

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST

Ngày: 19/8/2022

“V/v tranh chấp QSD đất (ranh)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sáu**

2. Ông **Lê Ngọc Hải**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Hoàng Danh** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc *“Tranh chấp QSD đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 08, ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh **Trương Như L**, sinh năm 1982 (có mặt)

2.2. Chị **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1980

Cùng cư trú: tổ 08, ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Thúy H ủy quyền cho anh Trương Như L tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 08, ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 05/5/2020 và những lời trình bày tiếp theo tại tòa nguyên đơn Huỳnh Văn S trình bày:

Đất của ông thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 5, diện tích 335,4m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Phước L1 vào năm 2013. Khi nhận chuyển nhượng thì không có đo đạc lại. Thửa đất của ông giáp ranh với thửa 393, tờ bản đồ số 11, diện tích 351,3m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H đứng tên.

Vào năm 2013 lúc ông nhận chuyển nhượng thửa 566 thì thửa 566 và thửa 393 có cắm trụ đá làm ranh, nhưng sau đó do việc nâng cấp đường giao thông nông thôn nên trụ ranh đầu ngoài đã bị mất hai bên có nhiều lần thương lượng thỏa thuận cắm lại trụ ranh nhưng không được.

Trong quá trình sử dụng thì phía ông L, bà H có hành vi xây dựng hàng rào lưới B40 và xây dựng nhà kiên cố (nhà tiền chế) lấn chiếm thửa 566 của ông chiều ngang đầu ngoài khoảng 0,2m, chiều ngang đầu trong khoảng 0,4m, chiều dài khoảng 10m, diện tích khoảng 03m², ông đã nhiều lần thương lượng cắm mốc ranh với ông L, bà H nhưng họ không đồng ý.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giải quyết buộc ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc ngày 18/02/2021 là 2,2m² (chiều ngang đầu ngoài là 0,18m, chiều ngang đầu trong là 0,13m và chiều dài là 11,4m) thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 5, diện tích 335,4m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Ông yêu cầu vợ chồng ông L, bà H trả lại đất cho ông, ông không đồng ý nhận giá trị đất. Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản khai ngày 01/6/2020 và những lời trình bày tiếp theo tại tòa ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H trình bày:

Vợ chồng ông là Trương Như L và Nguyễn Thúy H có đứng tên QSD đất thửa 393, tờ bản đồ số 11, diện tích 351,3m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng từ ông Trần Phước L1 vào năm 2011. Đến cuối năm 2011, gia đình ông xây dựng nhà cấp 4 kiên cố với diện tích khoảng 54m² (ngang khoảng 4,5m, dài 12m) và xây dựng hàng rào một phần xây gạch, một phần trụ xi măng kéo lưới B40 bao trọn thửa 393 (hàng rào đồng thời cũng là ranh giữa thửa 393 và 556). Tại thời điểm ông, bà nhận chuyển nhượng và xây dựng nhà, xây hàng rào thì không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

Nay ông Huỳnh Văn S yêu cầu vợ chồng ông trả lại cho ông S diện tích 2,2m² (chiều ngang đầu ngoài là 0,18m, chiều ngang đầu trong là 0,13m và chiều dài là 11,4m) thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 5, diện tích 335,4m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì ông, bà không đồng ý vì ông bà sử dụng đúng diện tích thửa 393 nhà nước đã cấp không có lấn chiếm qua thửa 566 của ông Huỳnh Văn S.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Huỳnh Văn S trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông, buộc hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H trả lại cho ông diện tích $2,2m^2$ (chiều ngang đầu ngoài là 0,18m, chiều ngang đầu trong là 0,13m và chiều dài là 11,4m) theo kết quả đo đạc ngày 18/02/2021, ông yêu cầu hộ ông L, bà H trả lại đất, ông không đồng ý nhận giá trị đất, ông không xác định được giá theo thị trường của phần đất tranh chấp, nên ngoài giá theo quy định của Nhà nước thì ông không đồng ý với giá nào khác vì không có cơ sở xác định. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Trương Như L (ông L đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thúy H) trình bày: Ông không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn S, ông yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp với diện tích $2,2m^2$ (chiều ngang đầu ngoài là 0,18m, chiều ngang đầu trong là 0,13m và chiều dài là 11,4m) cho ông và bà Nguyễn Thúy H. Ông xác định đất của ông được cấp giấy chứng nhận cho hộ gồm có ông và vợ ông là bà Nguyễn Thúy H, vì các con ông còn nhỏ. Ông thống nhất với giá đất theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn trả lời chưa đúng trọng tâm câu hỏi và không hợp tác để làm rõ các tình tiết của vụ án. Đối với bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn S công nhận phần đất tranh chấp có diện tích $2,2m^2$ thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Văn S. Tuy nhiên, ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H được quyền sử dụng phần đất có diện tích $2,2m^2$ thuộc thửa 566 (131) do ông Huỳnh Văn S đứng tên, buộc ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất cho ông S bằng số tiền 475.200 đồng.

Ông Huỳnh Văn S và hộ ông Trương Như L, bà Nguyễn Thúy H liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký lại đất.

Về án phí: Buộc ông Trương Như L, bà Nguyễn Thúy H nộp 300.000 đồng

Về chi phí khảo sát đo đạc: Buộc ông Trương Như L, bà Nguyễn Thúy H chịu toàn bộ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn Huỳnh Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn là ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H trả lại phần đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 5, diện tích 335,4m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên xác định đây là tranh chấp dân sự về “*Tranh chấp QSD đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không thành nên tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa thì bị đơn Nguyễn Thúy H vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Như L có mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết N vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

Phần đất của ông Huỳnh Văn S thuộc thửa số 566 (131), tờ bản đồ số 5, diện tích 335,4m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long liền kề với phần đất thuộc thửa 393, tờ bản đồ số 11, diện tích 351,3m², loại đất ở và trồng cây lâu năm của hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H. Nguồn gốc của hai thửa đất này là nhận chuyển nhượng của ông Trần Phước L1.

Ông Huỳnh Văn S cho rằng trong quá trình sử dụng phía ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H đã sử dụng lấn qua phần đất thửa 566 của ông Sáu khoảng 03m². Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu ông L, bà H trả lại phần đất đã lấn chiếm. Phía bị đơn Trương Như L và Nguyễn Thúy H cho rằng không có sử dụng lấn ranh như phía nguyên đơn trình bày nên không đồng ý trả lại diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn.

Việc ông Huỳnh Văn S yêu cầu các bị đơn Trương Như L và Nguyễn Thúy H trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 2.2m² (theo kết quả đo đạc ngày 18/02/2021), tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho ông S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Tân thì diện tích tranh chấp là 3.9m², và trong diện tích 3,9m² thì có 2,2m² là thuộc thửa 566 (131) của ông Huỳnh Văn S.

Căn cứ theo Công văn trả lời số 201/UBND-NC ngày 07/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân xác định việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Huỳnh Văn S là đúng theo quy định theo hồ sơ chuyển nhượng số 789/2013 và việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H là đúng theo quy

định về cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap. Trong phần diện tích đất tranh chấp $3,9\text{m}^2$ thì trong đó có $1,7\text{m}^2$ thuộc thửa 393 của ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H và có $2,2\text{m}^2$ thuộc thửa 566 (131, TBD 43) của ông Huỳnh Văn S. Đồng thời, tại Công văn số 201 Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân còn xác định cạnh phía bắc của thửa 566 theo giấy chứng nhận có chiều dài là 9,81m nhưng theo kết quả đo đạc ngày 18/02/2021 tăng lên 9,94, nguyên nhân tăng là do đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất và các chủ sử dụng đất giáp cận đã thống nhất ranh đất và có cắm trụ đá. Diện tích tăng từ $335,4\text{m}^2$ lên $341,0\text{m}^2$ là do đo đạc thành lập bản đồ địa chính chính quy và khi đo đạc hiện trạng có sự chứng kiến của các chủ sử dụng giáp cận đã thống nhất ranh đất và có cắm trụ đá cố định. Đối với thửa 393, tờ bản đồ số 11, diện tích $351,3\text{m}^2$ loại đất ở và trồng cây lâu năm cấp cho ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H khi đo đạc giảm xuống còn $340,7\text{m}^2$, nguyên nhân diện tích giảm là do mở đường nhựa.

Như vậy căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của ông Huỳnh Văn S là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, xét hiện nay trên đất tranh chấp có các tài sản là vách tường, bê tông cốt thép, tường xây gạch D100 (khung nhà tiền chế, mái lợp tole) và hàng rào lưới B40, cột bê tông do ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H xây dựng kiện cố không thể di dời, thêm vào đó việc ông L, bà H xây dựng hàng rào hiện nay là trên cơ sở hàng rào cũ có trước khi ông Trần Phước L1 chưa chuyển nhượng QSD đất cho ông Huỳnh Văn S, sự việc này cũng được ông S thừa nhận. Do đó, việc ông Trương Như L yêu cầu công nhận diện tích $2,2\text{m}^2$ cho hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H tiếp tục sử dụng là có cơ sở để chấp nhận, nhưng hộ ông L, bà H có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị đất cho ông Huỳnh Văn S tương ứng với diện tích được công nhận là $2,2\text{m}^2$, bao gồm các mốc 2, 9, 10, 11, 3, 2.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 15/6/2021 xác định:

- Thửa đất số 393 + 131 (566), tờ bản đồ số 43 (5) diện tích $3,9\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm có đơn giá là 216.000 đồng/ m^2

- Vách tường gạch ống D100mm, quy cách 4,35 x 3.0m, diện tích 13.05m^2 , đơn giá 236.689 đồng, hệ số 1.0, giá trị sử dụng còn lại là 91,66%, thành tiền là 3.151.150 đồng; hàng rào trụ đà bê tông cốt thép, tường gạch + lưới B40, quy cách 6.80 x 1.8, diện tích $11,97\text{m}^2$, đơn giá 676.668 đồng, hệ số 0.8, xây dựng tháng 01/2020, giá trị sử dụng còn lại 91,66%, thành tiền là 5.939.360 đồng. Tổng giá trị vách tường và hàng rào là 9.093.510 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và các bị đơn không cung cấp được giá đất theo thị trường hiện nay; tại phiên tòa ông Huỳnh Văn S và ông Trương Như L đều thống nhất theo giá quy định của nhà nước là 216.000 đồng/ m^2 . Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ kết quả định giá đất theo Biên bản định giá ngày 15/6/2021 để làm cơ sở tính giá trị đất. Cụ thể: $2,2\text{m}^2 \times 216.000$ đồng/ m^2 thành tiền là 475.200 đồng. Như vậy, hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H (gồm có ông Trương

Như L và bà Nguyễn Thúy H) có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn S giá trị đất với số tiền 475.200 đồng.

[4] Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá là 3.903.300 đồng, số tiền này nguyên đơn Huỳnh Văn S đã nộp tạm ứng xong nên phía bị đơn Trương Như L và Nguyễn Thúy H có trách nhiệm nộp để trả lại cho ông S.

[5] *Về án phí*: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Văn S được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn S đối với bị đơn Trương Như L và Nguyễn Thúy H.

1.1. Buộc hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H (gồm ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H) có trách nhiệm hoàn trả giá trị đất đối với diện tích 2,2m² thuộc thửa 566 (313), tờ bản đồ số 5, diện tích 335,4m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho ông Huỳnh Văn S với số tiền là 475.200 đồng (*bốn trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Công nhận cho hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H (gồm ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H) được quản lý, sử dụng diện tích 2,2m², bao gồm các mốc 2, 9, 10, 11, 3, 2 thuộc thửa 566 (313), tờ bản đồ số 5, diện tích 335,4m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T) huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/2/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Tân)

Ông Huỳnh Văn S và hộ ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H có quyền và nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0011407 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- *Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá:* Buộc ông Trương Như L và bà Nguyễn Thúy H nộp số tiền 3.903.300 đồng và số tiền này được trả lại cho ông Huỳnh Văn S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đường sự: 04b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Ngọc Sương